

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 – 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 – 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 5 – 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 – 9 |
| Bản thuyết minh báo cáo tài chính | 10 – 36 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Bổ nhiệm</u> | <u>Miễn nhiệm</u> |
|-------------------------|---|--------------------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Nghĩa | Chủ tịch | | |
| Bà Nguyễn Thị Bích Liên | Phó Chủ tịch (Thành viên không điều hành) | | |
| Bà Nguyễn Thanh Dung | Thành viên | | |
| Ông Võ Thanh Lâm | Thành viên độc lập | Ngày 30 tháng 6 năm 2021 | Ngày 29 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Văn Sáu | Thành viên độc lập | Ngày 29 tháng 6 năm 2023 | |

Danh sách các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Bổ nhiệm</u> | <u>Miễn nhiệm</u> |
|-------------------------|----------------|--------------------------|--------------------------|
| Ông Võ Thanh Lâm | Chủ tịch | | Ngày 29 tháng 6 năm 2023 |
| Ông Nguyễn Văn Sáu | Chủ tịch | Ngày 26 tháng 7 năm 2023 | |
| Bà Nguyễn Thị Bích Liên | Thành viên | | |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm toán nội bộ trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|----------------|
| Bà Đoàn Thị Bích Thúy | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Thu Thảo | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Thu | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|-------------------|
| Bà Nguyễn Thanh Dung | Phó Tổng Giám đốc |

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số: 505/2024/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

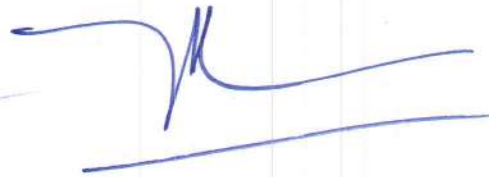
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Lý Trung Thành
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2822-2020-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2023 | Tại ngày 01/01/2023 |
|--|------------|------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 307.480.915.979 | 280.958.331.433 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.1 | 686.095.512 | 693.468.109 |
| 1. Tiền | 111 | | 686.095.512 | 693.468.109 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 161.479.240.744 | 70.494.402.622 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 4.3 | 89.663.023.990 | 46.579.440.886 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 4.4 | 56.681.600.667 | 1.445.703.805 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 4.5 | 28.722.127.073 | 36.820.775.470 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 4.6 | (13.587.510.986) | (14.351.517.539) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 4.7 | 144.386.493.986 | 201.876.512.029 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 144.386.493.986 | 201.876.512.029 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 929.085.737 | 7.893.948.673 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 13.369.174 | 32.107.497 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 915.356.563 | 7.861.481.176 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 4.13 | 360.000 | 360.000 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 574.249.158.883 | 708.592.040.488 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 17.155.770.258 | 21.960.729.046 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.8 | 10.883.109.223 | 15.402.374.303 |
| Nguyên giá | 222 | | 65.710.767.628 | 65.710.767.628 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (54.827.658.405) | (50.308.393.325) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.9 | 6.272.661.035 | 6.558.354.743 |
| Nguyên giá | 228 | | 11.815.527.730 | 11.815.527.730 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (5.542.866.695) | (5.257.172.987) |
| II. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.433.612.504 | 1.433.612.504 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 1.433.612.504 | 1.433.612.504 |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 4.2 | 520.232.813.446 | 648.627.956.727 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 804.194.000.000 | 804.194.000.000 |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (283.961.186.554) | (155.566.043.273) |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 35.426.962.675 | 36.569.742.211 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 4.10 | 35.426.962.675 | 36.569.742.211 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 881.730.074.862 | 989.550.371.921 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2023 | Tại ngày 01/01/2023 |
|--|------------|------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 74.729.020.385 | 51.888.912.879 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 72.170.606.885 | 51.888.912.879 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 4.11 | 48.091.996.614 | 19.195.484.308 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 4.12 | 3.098.966.007 | 11.570.501.280 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 4.13 | 22.203.391 | 148.114.805 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.039.270.950 | 919.763.066 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 3.655.046.142 | 3.557.406.942 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 4.14 | 6.347.665.884 | 6.353.089.581 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 9.915.457.897 | 10.144.552.897 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 2.558.413.500 | - |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | | 2.558.413.500 | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 807.001.054.477 | 937.661.459.042 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.15 | 807.001.054.477 | 937.661.459.042 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 614.356.040.000 | 614.356.040.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 614.356.040.000 | 614.356.040.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 166.825.342.471 | 166.825.342.471 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (14.481.143.515) | (14.481.143.515) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 49.202.852.835 | 49.202.852.835 |
| 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 2.302.769.934 | 2.506.769.934 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (11.204.807.248) | 119.251.597.317 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | 119.251.597.317 | 246.911.398.003 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (130.456.404.565) | (127.659.800.686) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 881.730.074.862 | 989.550.371.921 |



Nguyễn Thanh Dung

Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|-------|-----|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.1 | 261.848.622.692 | 100.046.292.240 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 261.848.622.692 | 100.046.292.240 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.2 | 247.848.328.024 | 72.970.501.663 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 14.000.294.668 | 27.075.790.577 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 192.909.965 | 314.243.784 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 5.3 | 128.441.097.504 | 146.920.621.469 |
| <i>Trong đó, chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | 326.217.585 |
| 7. Chi phí bán hàng | 25 | 5.4 | 2.045.523.878 | 1.220.897.357 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 5.5 | 9.923.307.930 | 4.965.502.145 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (126.216.724.679) | (125.716.986.610) |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | 35.349.842 | 1.425.009.065 |
| 11. Chi phí khác | 32 | 5.6 | 4.275.029.728 | 3.367.823.141 |
| 12. Lợi nhuận khác | 40 | | (4.239.679.886) | (1.942.814.076) |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (130.456.404.565) | (127.659.800.686) |
| 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (130.456.404.565) | (127.659.800.686) |



Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc
(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

Lê Ngọc Khang
Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|-----------|-----|--------------------------|--------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (130.456.404.565) | (127.659.800.686) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 5.7 | 4.804.958.788 | 4.522.399.381 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 127.631.136.728 | 146.786.215.292 |
| (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (1.927.228) | (274.469.628) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (184.154) | (45.689.984) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | - | 326.217.585 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 1.977.579.569 | 23.654.871.960 |
| (Tăng), giảm các khoản phải thu | 09 | | (83.274.706.956) | 259.604.269.234 |
| (Tăng), giảm hàng tồn kho | 10 | | 57.490.018.043 | (47.850.098.307) |
| Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 23.069.202.506 | (224.433.500.371) |
| Giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.161.517.859 | 1.123.641.201 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | (326.217.585) |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (433.095.000) | (399.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (9.483.979) | 11.373.966.132 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | (6.166.553.739) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 45.454.545 |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 184.154 | 235.439 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 184.154 | (6.120.863.755) |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2023 | Năm 2022 |
|---|-----------|-----|--------------------|------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | (360.489.904) |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | (7.996.709.248) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - | (8.357.199.152) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40) | 50 | | (9.299.825) | (3.104.096.775) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 693.468.109 | 3.267.351.984 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 1.927.228 | 530.212.900 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61) | 70 | 4.1 | 686.095.512 | 693.468.109 |

**Nguyễn Thanh Dung**

Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700381282 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 03 năm 2022 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán là DTL theo Giấy phép Niêm yết cấp ngày 28 tháng 05 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 86 (31/12/2022: 77).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm-kẽm, mạ màu, ống thép, xà gồ thép và kinh doanh thép cán nóng, thép tấm, thép hình, thép xây dựng; sản xuất điện mặt trời; truyền tải và phân phối điện.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con như sau:

| <u>Tên</u> | <u>Ngành nghề hoạt động chính</u> | <u>Địa chỉ</u> | <u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u> | <u>Tỷ lệ vốn góp</u> | <u>Tỷ lệ lợi ích</u> |
|-------------------------------------|---|---|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu | Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc | Sản xuất sắt, thép, gang | Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 100% | 100% | 100% |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2023 gồm:

| Tên | Ngành nghề hoạt động chính | Địa chỉ | Tình trạng |
|--|--|---|---|
| Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại | Số 79A Trần Hưng Đạo, khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam. | Đang tạm ngừng hoạt động đến 31/12/2023 |
| Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại | 295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam. | Đang thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động |
| Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa | Sản xuất thép, gang | sắt, 19 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam. | Đang hoạt động |
| Chi Nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng | Sản xuất thép, gang | sắt, Thôn Giáng Nam 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. | Đang hoạt động |

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

| | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ: | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang: | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 8 – 20 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 4 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 6 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 5 năm |

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 39 đến 42 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 43 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 tháng đến 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); chi phí quảng cáo sản phẩm, chi phí vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Tôn, thép xuất khẩu: 0%
- Sản phẩm về tôn, thép: 10%
- Dịch vụ cho thuê: 10%
- Các dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 101/2023/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Cụ thể, các hàng hoá, dịch vụ sau đây được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%:

- Tiền điện: 8%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Tại ngày 31/12/2023 VND | Tại ngày 01/01/2023 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 29.594.808 | 357.105.673 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 656.500.704 | 336.362.436 |
| Cộng | 686.095.512 | 693.468.109 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2023 | | Tại ngày 01/01/2023 | |
|-------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc | Giá trị hợp lý VND |
| Đầu tư vào công ty con: | | | | |
| Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc | 795.000.000.000 | (*) (274.767.186.554) | 795.000.000.000 | (*) (146.372.043.273) |
| Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc | 9.194.000.000 | (*) (9.194.000.000) | 9.194.000.000 | (*) (9.194.000.000) |
| Cộng | 804.194.000.000 | (283.961.186.554) | 804.194.000.000 | (155.566.043.273) |

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

| | Tại ngày 31/12/2023 VND | Tại ngày 01/01/2023 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 6 | 6.694.095.050 | 1.482.020.928 |
| Phải thu từ khách hàng: | | |
| Công ty TNHH MTV Sản Xuất và Đầu tư Thép An Bình | 31.552.800.000 | 120.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Sản Xuất và Đầu tư Đức Long | 31.784.410.375 | - |
| Các khách hàng khác (*) | 19.631.718.565 | 44.977.419.958 |
| Cộng | 89.663.023.990 | 46.579.440.886 |

(*) Tại ngày 31/12/2023, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2023 VND | Tại ngày 01/01/2023 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Cơ khí xây dựng và Bất động sản Thiên Lộc (*) | 55.235.000.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 1.446.600.667 | 1.445.703.805 |
| Cộng | 56.681.600.667 | 1.445.703.805 |

(*) Là khoản trả trước cho khách hàng để mua các sản phẩm về tôn, thép và vật tư.

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Tại ngày 31/12/2023 VND | | Tại ngày 01/01/2023 VND | |
|---|----------------------------|------------------------|----------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan – Xem thêm Mục 6 | 24.297.619.493 | - | 23.309.797.500 | - |
| Phải thu khác (*) | 4.424.507.580 | (2.096.058.019) | 13.510.977.970 | (2.096.058.019) |
| Cộng | 28.722.127.073 | (2.096.058.019) | 36.820.775.470 | (2.096.058.019) |

(*) Tại ngày 31/12/2023, mỗi khoản phải thu khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

| | Tại ngày 31/12/2023 | | Tại ngày 01/01/2023 | |
|--|---------------------|------------------------|---------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | 21.993.825.053 | 8.406.314.067 | 23.093.007.151 | 8.741.489.612 |

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2023 | | Tại ngày 01/01/2023 | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| PT Blue Steel Industries Công ty TNHH SX TM Tôn Tân Thành | 8.406.314.067 | 8.406.314.067 | 8.406.314.067 | 8.406.314.067 |
| Các khách hàng khác | 2.896.315.858 | - | 2.896.315.858 | - |
| | 10.691.195.128 | - | 11.790.377.226 | 335.175.545 |
| Cộng | 21.993.825.053 | 8.406.314.067 | 23.093.007.151 | 8.741.489.612 |

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

| | Tại ngày 31/12/2023 | | Tại ngày 01/01/2023 | |
|-------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | VND | | VND | |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 3.247.973.517 | - | 4.349.385.388 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.135.375.292 | - | 1.123.522.423 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 1.382.481.735 | - | 1.019.390.605 | - |
| Thành phẩm | 14.307.915.457 | - | 21.377.371.578 | - |
| Hàng hóa | 124.312.747.985 | - | 174.006.842.035 | - |
| Cộng | 144.386.493.986 | - | 201.876.512.029 | - |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Cộng VND |
|----------------------------|----------------------------------|-----------------------------|--|-------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá: | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 22.447.791.810 | 17.895.044.880 | 24.955.897.960 | 412.032.978 | 65.710.767.628 |
| Tại ngày 31/12/2023 | 22.447.791.810 | 17.895.044.880 | 24.955.897.960 | 412.032.978 | 65.710.767.628 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 17.058.689.602 | 17.895.044.880 | 14.942.625.865 | 412.032.978 | 50.308.393.325 |
| Khấu hao trong năm | 981.603.688 | - | 3.537.661.392 | - | 4.519.265.080 |
| Tại ngày 31/12/2023 | 18.040.293.290 | 17.895.044.880 | 18.480.287.257 | 412.032.978 | 54.827.658.405 |
| Giá trị còn lại: | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 5.389.102.208 | - | 10.013.272.095 | - | 15.402.374.303 |
| Tại ngày 31/12/2023 | 4.407.498.520 | - | 6.475.610.703 | - | 10.883.109.223 |

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 37.779.400.262 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Cộng VND |
|----------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá: | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 11.240.727.730 | 574.800.000 | 11.815.527.730 |
| Tại ngày 31/12/2023 | 11.240.727.730 | 574.800.000 | 11.815.527.730 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 4.682.372.987 | 574.800.000 | 5.257.172.987 |
| Khấu hao trong năm | 285.693.708 | - | 285.693.708 |
| Tại ngày 31/12/2023 | 4.968.066.695 | 574.800.000 | 5.542.866.695 |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Tại ngày 01/01/2023 | 6.558.354.743 | - | 6.558.354.743 |
| Tại ngày 31/12/2023 | 6.272.661.035 | - | 6.272.661.035 |

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 5.026.574.937 VND đã được dùng để bảo lãnh, thế chấp cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc – Xem thêm Mục 6.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 574.800.000 VND.

4.10. Chi phí trả trước dài hạn

| | Tại ngày 31/12/2023 VND | Tại ngày 01/01/2023 VND |
|---|--|--|
| Chi phí thuê đất trả trước một (1) lần cho nhiều kỳ (*) | 35.426.962.675 | 36.569.742.211 |

(*) Là tiền thuê đất tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần III theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn thuê đến năm 2055.

Giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của quyền sử dụng đất thuê là 35.426.962.675 VND đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc – Xem thêm Mục 6.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Tại ngày 31/12/2023 | | Tại ngày 01/01/2023 | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 6 | 37.232.365.427 | 37.232.365.427 | 4.504.014.149 | 4.504.014.149 |
| Phải trả cho người bán: | | | | |
| Shenzhen One Touch Business | 8.498.679.483 | 8.498.679.483 | 8.281.210.713 | 8.281.210.713 |
| Các nhà cung cấp khác (*) | 2.360.951.704 | 2.360.951.704 | 6.424.177.446 | 6.424.177.446 |
| Cộng | 48.091.996.614 | 48.091.996.614 | 19.195.484.308 | 19.195.484.308 |

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2023 | | Tại ngày 01/01/2023 | |
|---------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Ông Nguyễn Kế An | 2.268.500.000 | 2.268.500.000 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Các khách hàng khác | 830.466.007 | 830.466.007 | 6.570.501.280 | 6.570.501.280 |
| Cộng | 3.098.966.007 | 3.098.966.007 | 11.570.501.280 | 11.570.501.280 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

| | Tại ngày 31/12/2023 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2023 | |
|-----------------------------------|---------------------|-------------------|--------------------|--------------------|---------------------|--------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | Đã nộp | Phải nộp | Phải thu | Phải nộp |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 6.429.916 | 162.418.293 | 27.550.494 | - | 141.297.715 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 15.773.475 | 88.295.227 | 97.251.612 | - | 6.817.090 |
| Phí, lệ phí và các loại thuế khác | 360.000 | - | 3.000.000 | 3.000.000 | 360.000 | - |
| Cộng | 360.000 | 22.203.391 | 253.713.520 | 127.802.106 | 360.000 | 148.114.805 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Phải trả ngắn hạn khác**

| | Tại ngày 31/12/2023 VND | Tại ngày 01/01/2023 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 6 | 2.134.214.689 | 1.627.054.897 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác (*) | 4.213.451.195 | 4.726.034.684 |
| Cộng | <u>6.347.665.884</u> | <u>6.353.089.581</u> |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | | | | |
|---|------------------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|------------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Cộng VND |
| Tại ngày 01/01/2022 | 614.356.040.000 | 166.825.342.471 | (14.481.143.515) | 49.202.852.835 | 2.584.769.934 | 246.911.398.003 | 1.065.399.259.728 |
| Lỗ trong năm trước Chi thù lao HĐQT và Ban Kiểm Soát 2021 | - | - | - | - | - | (127.659.800.686) | (127.659.800.686) |
| | - | - | - | - | (78.000.000) | - | (78.000.000) |
| Tại ngày 01/01/2023 | 614.356.040.000 | 166.825.342.471 | (14.481.143.515) | 49.202.852.835 | 2.506.769.934 | 119.251.597.317 | 937.661.459.042 |
| Lỗ trong năm nay Chi thù lao HĐQT, UBKT, và Ban Kiểm toán nội bộ 2022 | - | - | - | - | - | (130.456.404.565) | (130.456.404.565) |
| | - | - | - | - | (204.000.000) | - | (204.000.000) |
| Tại ngày 31/12/2023 | 614.356.040.000 | 166.825.342.471 | (14.481.143.515) | 49.202.852.835 | 2.302.769.934 | (11.204.807.248) | 807.001.054.477 |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| | Tại ngày 31/12/2023 VND | Tại ngày 01/01/2023 VND |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Nghĩa | 292.202.130.000 | 292.202.130.000 |
| Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức | 118.632.890.000 | 118.632.890.000 |
| Bà Nguyễn Thị Bích Liên | 78.999.520.000 | 78.999.520.000 |
| Bà Nguyễn Thanh Loan | 62.443.780.000 | 62.443.780.000 |
| Cổ đông khác | 62.077.720.000 | 62.077.720.000 |
| Cộng | 614.356.040.000 | 614.356.040.000 |

4.15.3. Cổ phiếu

| | Tại ngày 31/12/2023 | Tại ngày 01/01/2023 |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 61.435.604 | 61.435.604 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 61.435.604 | 61.435.604 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ) | (804.620) | (804.620) |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 60.630.984 | 60.630.984 |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| | Tại ngày 31/12/2023 | Tại ngày 01/01/2023 |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| Ngoại tệ các loại: | | |
| USD | 6.113,82 | 6.040,31 |

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa nội địa | 228.493.058.777 | 40.388.307.015 |
| Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa xuất khẩu | 24.217.927.187 | 57.543.704.746 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 9.137.636.728 | 2.114.280.479 |
| Cộng | <u>261.848.622.692</u> | <u>100.046.292.240</u> |

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 6 23.430.895.840 12.234.642.911

Doanh thu năm 2023 tăng hơn 161,7% so với 2022 là do sản lượng bán ra tăng hơn 151% so với năm 2022.

5.2. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa nội địa | 227.195.271.255 | 37.431.252.864 |
| Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa xuất khẩu | 20.653.056.769 | 35.282.077.213 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | - | 257.171.586 |
| Cộng | <u>247.848.328.024</u> | <u>72.970.501.663</u> |

Giá vốn hàng bán năm nay tăng so với năm trước do sản lượng bán ra tăng như được thuyết minh ở Mục 5.1.

5.3. Chi phí tài chính

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí lãi vay | - | 326.217.585 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 128.395.143.281 | 146.372.043.273 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 45.954.223 | 222.360.611 |
| Cộng | <u>128.441.097.504</u> | <u>146.920.621.469</u> |

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí bán hàng**

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nhân viên bán hàng | 1.616.112.332 | 585.809.838 |
| Chi phí vận chuyển và phí cho hàng xuất khẩu | 69.673.517 | 525.487.519 |
| Khác | 359.738.029 | 109.600.000 |
| Cộng | <u>2.045.523.878</u> | <u>1.220.897.357</u> |

Chi phí bán hàng năm nay tăng so với năm trước 67,5% chủ yếu là do số lượng nhân viên bán hàng bình quân tăng từ 4 lên 12 nhân viên trong năm 2023.

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 8.467.194.928 | 2.772.690.941 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 193.436.796 | 210.341.875 |
| Dự phòng / (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi | (764.006.553) | 414.172.019 |
| Chi phí mua ngoài | 553.751.123 | 334.003.083 |
| Các chi phí quản lý khác | 1.472.931.636 | 1.234.294.227 |
| Cộng | <u>9.923.307.930</u> | <u>4.965.502.145</u> |

Chi phí quản lý năm nay tăng so với năm trước 102% chủ yếu là do tăng số lượng nhân viên quản lý bình quân tăng từ 16 lên 59 nhân viên trong năm 2023.

5.6. Chi phí khác

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí khấu hao tài sản cố định không hoạt động | 4.141.998.758 | 3.342.721.974 |
| Các khoản bị phạt | 37.788.476 | - |
| Các chi phí khác | 95.242.494 | 25.101.167 |
| Cộng | <u>4.275.029.728</u> | <u>3.367.823.141</u> |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 33.347.881.400 | 15.777.690.459 |
| Chi phí nhân công | 10.447.023.390 | 3.508.518.679 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.804.958.788 | 4.522.399.381 |
| Dự phòng / (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi | (764.006.553) | 414.172.019 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 766.791.441 | 708.877.762 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.865.369.167 | 1.618.297.310 |
| Cộng | 50.468.017.633 | 26.549.955.610 |

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm | (130.456.404.565) | (127.659.800.686) |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng | 4.805.242.628 | 3.581.804.696 |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm | (756.728.762) | (116.040.881) |
| Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang | - | - |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh | (131.532.096.279) | (124.194.036.871) |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | - | - |

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
2. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc
3. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức
4. Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
 Nhân sự quản lý chủ chốt

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

| | Tại ngày 31/12/2023 VND | Tại ngày 01/01/2023 VND |
|---|--|--|
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng: | | |
| Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc | 6.046.656.572 | 595.375.650 |
| Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc | 647.438.478 | 647.438.478 |
| Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức | - | 239.206.800 |
| | 6.694.095.050 | 1.482.020.928 |
| Phải thu ngắn hạn khác từ việc cho mượn tiền – Xem thêm Mục 4.5 | | |
| Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc | 24.297.619.493 | 23.309.797.500 |
| | Tại ngày 31/12/2023 VND | Tại ngày 01/01/2023 VND |
| Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.11: | | |
| Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc | (37.232.365.427) | (4.504.014.149) |
| | Tại ngày 31/12/2023 VND | Tại ngày 01/01/2023 VND |
| Phải trả ngắn hạn khác – tạm ứng chi phí hoạt động: | | |
| Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc | (1.627.054.897) | (1.627.054.897) |
| Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức | (472.106.000) | - |
| Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch | (35.053.792) | - |
| | (2.134.214.689) | (1.627.054.897) |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|--|-------------------------|-------------------------|
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ: | | |
| Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc | 23.430.895.840 | 12.014.475.471 |
| Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức | - | 220.167.440 |
| | 23.430.895.840 | 12.234.642.911 |
| Cộng – Xem thêm Mục 5.1 | | |
| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
| Mua hàng hóa và dịch vụ | | |
| Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc | 186.676.814.834 | 119.568.499.248 |
| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
| Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch: | | |
| Cho vay | (9.510.000.000) | - |
| Thu tiền từ cho vay | 9.510.000.000 | - |
| Trả tiền vay | - | (89.050.838.698) |

Cam kết bảo lãnh:

Công ty đã dùng quyền sử dụng đất thuê với giá trị còn lại là 35.426.962.675 VND tại ngày 31/12/2023 để thế chấp cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương – Xem thêm Mục 4.9.

Công ty đã dùng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 5.026.574.937 VND để thế chấp cho các khoản vay của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp – Xem thêm Mục 4.9.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ủy ban Kiểm toán, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|-------------------------|--|--------------------|--------------------|
| Ông Nguyễn Thanh Nghĩa | Chủ tịch HĐQT | 72.000.000 | 63.763.400 |
| Bà Nguyễn Thị Bích Liên | Phó Chủ tịch HĐQT | 295.705.500 | 79.545.800 |
| Bà Nguyễn Thanh Dung | Phó Tổng Giám đốc | 359.789.500 | 313.311.500 |
| Ông Võ Thanh Lâm | Thành viên HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán (đến ngày 29/06/2023) | 24.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Nguyễn Văn Sáu | Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán kiêm thành viên HĐQT (từ ngày 26/07/2023) | - | - |
| Bà Đoàn Thị Bích Thúy | Trưởng ban Kiểm toán nội bộ | 12.000.000 | 24.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Thảo | Thành viên Kiểm toán nội bộ | 6.000.000 | - |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Thu | Thành viên Kiểm toán nội bộ | 6.000.000 | - |
| Cộng | | 775.495.000 | 498.620.700 |

7. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty cho thuê kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 5 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

| | Năm 2023 VND | Năm 2022 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm | 9.137.636.728 | - |
| Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn: | | |
| | Tại ngày 31/12/2023 VND | Tại ngày 01/01/2023 VND |
| Từ 1 năm trở xuống | 11.062.495.350 | - |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 35.417.688.097 | - |
| Cộng | 46.480.183.447 | - |

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt



Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc
(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2021/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2021)

Bình Dương, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

Lê Ngọc Khang
Người lập kiêm Kế toán trưởng

